

II. DẠNG ĐÚNG/SAI

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa của các phương tiện vận tải của Việt Nam, năm 2024

Phương tiện vận tải	Khối lượng vận chuyển (nghìn tấn)	Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)
Đường sắt	5 095,2	3 877,3
Đường ô tô	2 029 956,8	117 006,7
Đường sông	410 235,6	38 171,3
Đường biển	129 548,1	127 791,0
Đường hàng không	443,8	9 624,1
Tổng số	2 575 279,5	296 470,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2024)

a) Đường hàng không có khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển lớn nhất.

b) Đường biển có khối lượng vận chuyển lớn thứ ba và khối lượng luân chuyển lớn nhất.

c) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cự li vận chuyển trung bình của các phương tiện vận tải nước ta năm 2024.

d) Đường ô tô có khối lượng vận chuyển lớn nhất do phạm vi vận chuyển rộng nhất.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Mạng lưới đường ô tô ở nước ta ngày càng phát triển, trải rộng khắp các địa phương đảm bảo kết nối hiệu quả với các loại hình giao thông khác và kết nối vùng, miền, quốc tế. Các tuyến đường bắc - nam là trục giao thông quan trọng nhất của nước ta như: quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh và đường cao tốc Bắc - Nam.

a) Quốc lộ 1 đi qua tất cả các vùng kinh tế - xã hội của nước ta.

b) Đường ô tô ở nước ta chiếm ưu thế cả về khối lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển so với các loại hình khác.

c) Mạng lưới đường ô tô ngày càng được mở rộng và hiện đại hóa nhờ thu hút được nguồn vốn đầu tư lớn.

d) Phát triển hoạt động giao thông đường bộ giải quyết việc làm cho một số lượng lớn lao động ở vùng núi.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Ngành vận tải đường bộ được ưu tiên đầu tư, hiện đại cả kết cấu hạ tầng và phương tiện vận tải, đảm bảo an toàn, kết nối hiệu quả với các loại hình giao thông khác; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, hạn chế ô nhiễm môi trường.

a) Các tuyến đường bộ cao tốc ở nước ta ngày càng được mở rộng.

b) Các tuyến giao thông đường bộ theo hướng Bắc - Nam gặp khó khăn do địa hình có nhiều dãy núi Đông - Tây lan sát ra biển.

c) Tuyến đường Hồ Chí Minh được xây dựng và phát triển mang lại ý nghĩa lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế dải đất phía Tây đất nước.

d) Hiện nay các tuyến đường bộ cao tốc ở một số vùng còn chậm phát triển chủ yếu do phụ thuộc hoàn toàn vào vốn và công nghệ nước ngoài.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Những năm vừa qua, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có những bước phát triển mạnh, theo hướng hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các công trình có tính kết nối, lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; chất lượng vận tải đường bộ ngày một nâng cao, càng khẳng định thực hiện mục tiêu giao thông vận tải đi trước một bước trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước, góp phần bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ Tổ quốc.

a) Đường bộ là loại hình vận tải có vai trò quan trọng nhất trong hệ thống giao thông ở nước ta hiện nay.

b) Các dịch vụ vận tải ngày càng đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu của sản xuất và nâng cao đời sống.

c) Giao thông đường bộ có vai trò quan trọng nhất trong việc thúc đẩy hoạt động ngoại thương của nước ta phát triển mạnh hơn.

d) Khối lượng hàng hóa vận chuyển của đường bộ ngày càng tăng chủ yếu do kinh tế phát triển và đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao.

Câu 5: Cho thông tin sau:

Cao tốc Bắc - Nam có vai trò rất quan trọng, là trục xương sống, hành lang kinh tế - vận tải huyết mạch của đất nước. Để tạo ra động lực đột phá, phát huy được tiềm năng, lợi thế các địa phương trên hành lang này, tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đã được quy hoạch với tổng chiều dài 2063 km từ Cửa khẩu Hữu Nghị - Lạng Sơn đến Cà Mau đi qua 32 tỉnh, thành phố.

a) Xây dựng đường cao tốc làm cho chi phí logistics (chi phí vận chuyển, bốc xếp, thủ tục thông quan, đóng gói, quét mã vạch, quản lý kho,...) tăng.

b) Phát triển đường cao tốc tạo công ăn, việc làm, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân.

c) Hệ thống đường cao tốc được xây dựng góp phần mở ra không gian phát triển mới, thu hút đầu tư.

d) Tuyến đường cao tốc Bắc - Nam chủ yếu góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở phía Tây nước ta.

Câu 6: Cho thông tin sau:

Mạng lưới giao thông vận tải nước ta phát triển khá toàn diện, gồm nhiều loại hình vận tải khác nhau. Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là sự chuyên chở người và hàng hóa. Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường ô tô cao nhất trong cơ cấu vận tải nước ta và có xu hướng tăng. Vận tải có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh, nhưng cũng làm ảnh hưởng đến môi trường.

a) Sự chuyên chở người và hàng hóa là sản phẩm của ngành giao thông vận tải.

b) Ngành vận tải đường biển có khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta.

c) Giao thông vận tải nước ta phát triển với nhiều loại hình vận tải hiện đại nhất thế giới.

d) Ngành giao thông vận tải nước ta thúc đẩy sự phát triển kinh tế, ít gây ô nhiễm môi trường.

Câu 7: Cho thông tin sau:

Mạng lưới đường sắt ở nước ta có tổng chiều dài khoảng trên 3,3 nghìn km, kết nối với các trung tâm kinh tế, các đô thị, các vùng nông nghiệp với mạng lưới đường sắt quốc tế (Lạng Sơn, Lào Cai)

a) Mạng lưới đường sắt của nước ta có lịch sử phát triển khá sớm.

b) Tuyến đường sắt quan trọng nhất là tuyến Thống Nhất chạy theo hướng bắc - nam.

c) Vận chuyển đường sắt tập trung chủ yếu ở miền Bắc do gắn với lịch sử khai thác khoáng sản, có nhiều khu công nghiệp.

d) Hiện nay ở khu vực phía Nam, hệ thống đường sắt đã được đầu tư xây dựng hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch.

Câu 8: Cho thông tin sau:

Vận tải đường sắt chủ yếu là vận chuyển hàng hoá. Hệ thống đường sắt hiện có được đầu tư cải tạo, nâng cấp nên chất lượng hạ tầng được nâng lên, tốc độ và an toàn đường sắt được cải thiện. Đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị (ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) đang được quan tâm phát triển.

a) Hệ thống đường sắt nội đô đã được xây dựng ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Mạng lưới đường sắt phát triển nhanh thời gian gần đây chủ yếu do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và nhu cầu đi lại của người dân.

c) Khó khăn chủ yếu với phát triển đường sắt ở Đồng bằng sông Cửu Long là kết cấu địa chất yếu, khó xây dựng.

d) Chất lượng giao thông đường sắt đang ngày càng nâng lên chủ yếu do nhu cầu vận chuyển hàng hóa ở các đồng bằng.

Câu 9: Cho thông tin sau:

Ngành vận tải đường sắt chiếm tỉ trọng nhỏ trong tổng khối lượng vận chuyển hành khách và hàng hóa của các ngành vận tải. Công nghệ, thiết bị, phương tiện vận tải đang được đầu tư, hiện đại hóa.

a) Trung tâm vận tải đường sắt lớn nhất nước ta là thủ đô Hà Nội.

b) Việc vận chuyển hành khách của đường sắt chưa cao do dịch vụ còn hạn chế, tốc độ chậm, không cơ động.

c) Để nâng cao hiệu quả ngành vận tải đường sắt cần đẩy mạnh xây dựng các tuyến đường sắt đô thị và đường sắt cao tốc ở các vùng trong cả nước.

d) Phát triển hệ thống đường sắt hợp lí tạo thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch ở nhiều địa phương.

Câu 10: Cho thông tin sau:

Mạng lưới đường thủy nội địa nước ta phát triển và phân bố chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, một số tuyến ở khu vực miền Trung.

a) Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều hệ thống sông lớn thuận lợi để phát triển giao thông đường thủy.

b) Do có điều kiện thuận lợi về hệ thống sông, địa hình, khí hậu nên vận tải đường sông dày đặc, đều khắp cả nước.

c) Vận tải đường thủy nội địa gặp khó khăn chủ yếu là chế độ nước theo mùa và hiện tượng sa bồi dòng chảy, luồng lạch.

d) Ở miền núi, việc phát triển vận tải đường sông không thuận lợi chủ yếu do địa hình dốc, dòng chảy hẹp.

Câu 11: Cho thông tin sau:

Vận tải đường sông nước ta đảm nhận các chức năng: chuyên chở hàng hoá nội địa, kết nối với các cảng biển trong việc vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu. Đường sông hỗ trợ vận

chuyển công-te-nơ từ cảng biển vào sâu trong nội địa và tăng cường kết nối với loại hình vận tải khác.

a) Các tuyến đường thủy nội địa còn chưa kết nối được các trung tâm kinh tế lớn trong nước với cảng biển.

b) Phương tiện vận tải của đường thủy nội địa còn hạn chế nên tốc độ vận chuyển chưa cao.

c) Vận tải đường sông có ý nghĩa quan trọng ở một số vùng do phù hợp điều kiện tự nhiên, cước vận tải thấp, vận chuyển nhiều hàng nặng, cồng kềnh.

d) Đồng bằng sông Cửu Long có ngành vận tải đường thủy nội địa phát triển mạnh do hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, địa hình bằng phẳng.

Câu 12: Cho thông tin sau:

Nước ta có nhiều loại hình giao thông vận tải như đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không,... Trong đó, giao thông vận tải đường bộ là loại hình giao thông đóng vai trò quan trọng hàng đầu, ngày càng phát triển.

a) Đường sắt là loại hình giao thông vận tải phát triển mạnh mẽ nhất ở nước ta.

b) Giao thông vận tải đường bộ đóng vai trò quan trọng nhất trong hệ thống giao thông của Việt Nam.

c) Đường thủy nội địa chỉ có thể phát triển ở những vùng ven biển của nước ta.

d) Giao thông vận tải đường bộ phát triển mạnh mẽ, không chỉ giúp kết nối các vùng miền trong nước mà còn thúc đẩy giao thương quốc tế qua các tuyến đường biên giới.

Câu 13: Cho thông tin sau:

Mạng lưới giao thông vận tải đường biển với các tuyến vận tải nội địa và quốc tế cùng hệ thống cảng biển ở nước ta không ngừng phát triển phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, tạo động lực phát triển các vùng, đóng góp không nhỏ vào sự tăng trưởng của nền kinh tế, khai thác lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, đặc biệt là tiềm năng về biển.

a) Tuyến đường biển nội địa quan trọng nhất của nước ta nối từ cảng Hải Phòng vào tới cảng Đà Nẵng.

b) Ngành giao thông vận tải biển của nước ta hiện nay phát triển nhanh chủ yếu để vận chuyển hành khách.

c) Nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển đường biển ở nước ta hiện nay là chính sách mở cửa nền kinh tế.

d) Khó khăn về mặt tự nhiên với phát triển giao thông đường biển là có nhiều thiên tai, đặc biệt là bão.

Câu 14: Cho thông tin sau:

Mạng lưới giao thông vận tải phân bố rộng khắp và kết nối với một số tuyến đường quốc tế, như đường sắt, đường bộ xuyên Á,... Các đầu mối giao thông lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh trở thành cửa ngõ quốc tế, tăng cường khả năng hội nhập của đất nước.

a) Nước ta có đầy đủ các loại hình giao thông vận tải như đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không.

b) Vị trí nước ta nằm gần đường hàng hải quốc tế, đường bờ biển dài, có nhiều vũng vịnh là điều kiện thuận lợi cho giao thông đường biển.

c) Khí hậu của nước ta có sự phân mùa tạo điều kiện cho giao thông vận tải có điều kiện hoạt động đa dạng quanh năm.

d) Hoạt động giao thông vận tải góp phần quan trọng trực tiếp trong việc phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 15: Cho thông tin sau:

Trong những năm gần đây, dịch vụ vận tải ngày càng đa dạng, chất lượng được nâng cao, cự li vận chuyển xa hơn. Khối lượng hàng hoá, hành khách vận chuyển có xu hướng tăng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

a) Nền kinh tế phát triển nhanh tạo thuận lợi cho tất cả các loại hình giao thông của nước ta được đẩy mạnh.

b) Khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng lên chủ yếu do nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế và đời sống.

c) Vận tải đường biển và đường hàng không được đẩy mạnh mang lại ý nghĩa quan trọng trong quá trình hội nhập của nước ta.

d) Chiều dài đường sắt tăng nhanh chủ yếu do nhu cầu đi lại của người dân ngày càng cao.

Câu 16: Cho thông tin sau:

Mạng lưới đường bộ có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, kết nối các trung tâm hành chính, kinh tế, cảng biển, sân bay, cửa khẩu, các đầu mối giao thông...và đã phủ kín khắp cả nước. Do lãnh thổ nước ta kéo dài theo vĩ độ và hẹp ngang nên đã hình thành hai tuyến trục chính là Bắc - Nam và Đông - Tây.

a) Tuyến quốc lộ quan trọng nhất theo chiều Bắc - Nam của nước ta là quốc lộ số 1.

b) Ngành giao thông đường bộ của nước ta được ưu tiên phát triển do mang lại ý nghĩa lớn về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng.

c) Các tuyến giao thông theo chiều Đông - Tây nối ra cửa khẩu giúp mở rộng giao lưu, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế.

d) Phát triển giao thông đường bộ ở các vùng núi, vùng sâu, vùng xa nhằm mục đích chính là phục vụ nhu cầu đi dân.

Câu 17: Cho thông tin sau:

Ngành viễn thông đang không ngừng phát triển ở Việt Nam và trên toàn thế giới với những xu hướng mới, góp phần quản lý, điều hành đất nước, đảm bảo an ninh quốc phòng, đồng thời nâng cao đời sống, văn hóa và kinh tế của người dân. Mạng di động đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam vào năm 1993. Đến năm 1997, nước ta chính thức hòa mạng Internet. Hiện nay điện thoại di động và Internet đã trở thành một phần không thể thiếu được trong cuộc sống của hàng chục triệu người dân Việt Nam, nhất là đối với giới trẻ.

a) Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông là một trong những mục tiêu quan trọng của nhiều quốc gia, nhất là các nước đang phát triển như Việt Nam.

b) Hiện nay, viễn thông Việt Nam chủ yếu tập trung khôi phục và đẩy mạnh các lĩnh vực kinh doanh truyền thống.

c) Viễn thông Việt Nam đang hướng đến đẩy mạnh chuyển đổi số, đầu tư vào công nghệ cao và đảm bảo an ninh mạng.

d) Viễn thông phát triển mạnh và đang có xu hướng kìm hãm một số lĩnh vực dịch vụ ở nước ta như thương mại, giao thông vận tải.

Câu 18: Cho thông tin sau:

Đường ô tô là loại hình giao thông quan trọng nhất ở nước ta, phát triển mạnh cả về số lượng

và chất lượng. Khối lượng hàng hoá vận chuyên bằng đường ô tô cao nhất trong cơ cấu vận tải nước ta và có xu hướng tăng. Chất lượng vận tải và dịch vụ ngày càng được cải thiện, hiệu quả kinh tế của vận tải bằng đường ô tô được nâng lên.

a) Quốc lộ 1 bắt đầu từ Quảng Ninh và kết thúc ở Cà Mau.

b) Mạng lưới đường bộ có ý nghĩa quan trọng trong việc kết nối các vùng kinh tế, thúc đẩy thương mại và sản xuất phát triển.

c) Việc phát triển các tuyến đường bộ ở trung du và miền núi góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống.

d) Nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến khối lượng hàng hóa vận chuyên của giao thông đường bộ nước ta là sự phát triển của sản xuất.

Câu 19: Cho thông tin sau:

Vận tải đường biển nước ta tăng cường kết nối với các phương thức vận tải khác, ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics. Cả nước có 34 cảng biển với 296 bến cảng (năm 2021). Hệ thống cảng biển nước ta là cửa ngõ giao thương hàng hoá xuất, nhập khẩu, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của vùng và cả nước.

a) Nước ta xây dựng cảng trung chuyển quốc tế ở vịnh Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa).

b) Ngành vận tải biển ngày càng phát triển nhanh chủ yếu do sự phát triển của hoạt động ngoại thương.

c) Nhân tố tác động mạnh nhất đến giao thông vận tải biển hiện nay ở nước ta là sản xuất trong nước phát triển, đẩy mạnh xuất nhập khẩu.

d) Việc nâng cấp các cảng biển của nước ta nhằm mục đích chủ yếu là đáp ứng cho dịch vụ logistics và giải quyết việc làm cho lao động phổ thông.

Câu 20: Cho thông tin sau:

Việt Nam là cầu nối quan trọng trong khu vực châu Á, có mạng lưới vận tải biển sôi động vào hàng bậc nhất trên thế giới kể từ khi nước ta thực hiện chính sách mở cửa giao lưu với bên ngoài. Thị trường hàng hải dần được cải thiện, mở rộng phạm vi hoạt động và bắt kịp nhịp độ chung của xu hướng thương mại hóa toàn cầu.

a) Do có điều kiện về vị trí, lãnh thổ, địa hình nên nước ta đã xây dựng được nhiều cảng biển, cụm cảng quan trọng.

b) Sự phát triển của dịch vụ logistics đã thúc đẩy sự liên kết giữa vận tải biển với các dịch vụ vận tải khác.

c) Phương tiện vận tải ngày càng hiện đại giúp mở rộng phạm vi di chuyển bằng đường biển tới các nước.

d) Nền kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống tăng dẫn đến nhu cầu di chuyển bằng đường biển của người dân tăng cao.

Câu 21: Cho thông tin sau:

Việt Nam là một quốc gia có đường bờ biển dài hơn 3260 km với 21/34 tỉnh, thành phố có đường bờ biển, hệ thống cảng biển của Việt Nam trong nhiều năm qua đã không ngừng mở rộng và phát triển, thể hiện khá tốt vai trò là đầu mối phục vụ xuất - nhập khẩu hàng hóa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

a) Hiện nay, giao thông đường biển đảm nhiệm chủ yếu việc giao thông vận tải trên các tuyến quốc tế của nước ta.

b) Giao thông đường biển ngày càng phát triển mạnh chủ yếu do các loại hình giao thông khác không phát triển thuận lợi ở nước ta.

c) Phát triển giao thông đường biển tạo động lực cho phát triển kinh tế, phát triển các khu kinh tế biển.

d) Để nâng cao hiệu quả của giao thông vận tải đường biển, nâng cao năng lực vận tải cho cảng, cần đầu tư xây dựng mới nhiều cảng biển.

Câu 22: Cho thông tin sau:

Về tuyến vận tải, Việt Nam hiện nay đã thiết lập được 32 tuyến vận tải biển, trong đó 25 tuyến vận tải quốc tế và 7 tuyến vận tải nội địa. Ngoài các tuyến châu Á, khu vực phía Bắc đã khai thác 2 tuyến đi Bắc Mỹ, phía nam đã hình thành được 16 tuyến đi Bắc Mỹ, sang châu Âu; đứng vị trí thứ 3 khu vực Đông Nam Á chỉ sau Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po.

a) Tuyến đường biển ven bờ quan trọng nhất nước ta là Hải Phòng - Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Việc đầu tư xây dựng các cảng nước sâu ở Nam Trung Bộ thuận lợi là do có nhiều vũng, vịnh, mực nước sâu, kín gió.

c) Giao thông đường biển của nước ta thuận lợi hơn nhờ có các dòng biển hoạt động theo mùa.

d) Do ảnh hưởng quá trình toàn cầu hóa nên hiện nay vận tải đường biển của nước ta gắn liền với ngành du lịch.

Câu 23: Cho thông tin sau:

Giao thông vận tải hàng không ở nước ta phát triển nhanh cả về đường bay và cảng hàng không, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa, góp phần phục vụ yêu cầu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập.

a) Vận tải đường hàng không của nước ta là ngành trẻ nhưng có tốc độ phát triển nhanh.

b) Đường hàng không là loại hình vận tải có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất do quãng đường xa.

c) Ngành hàng không có tốc độ phát triển nhanh chủ yếu do chiến lược phát triển phù hợp, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.

d) Năng lực vận tải ngành hàng không ngày càng cao chủ yếu do việc đào tạo lao động, thu hút đầu tư trong nước.

Câu 24: Cho thông tin sau:

Đến năm 2021, Việt Nam có 22 cảng hàng không, trong đó có 10 cảng quốc tế. Các cảng hàng không: Nội Bài, Đà Nẵng và Tân Sơn Nhất là cửa ngõ quốc tế và đầu mối vận tải hàng không lớn của nước ta. Các tuyến đường bay nội địa ngày càng được mở rộng. Một số tuyến đường bay quốc tế quan trọng là Hà Nội - Tô-ky-ô, Đà Nẵng - Hồng Kông, Thành phố Hồ Chí Minh - Lốt An-giơ-lét,... Việt Nam đã thiết lập những chuyến bay thẳng đi Bắc Mỹ, châu Âu, châu Phi.

a) Số lượng sân bay và phương tiện tăng nhanh do đáp ứng nhu cầu vận tải tăng.

b) Do có tốc độ cao, có thể vượt mọi dạng địa hình nên vận tải hàng không đáp ứng nhu cầu vận tải của nước ta trong quá trình hội nhập.

c) Do giá cước vận tải cao hơn các loại hình giao thông khác nên vận tải nội địa không phát triển, chủ yếu vận tải quốc tế.

d) Các sân bay quốc tế tập trung chủ yếu ở miền Nam do có nền kinh tế phát triển, công nghiệp hóa nhanh.

Câu 25: Cho thông tin sau:

Cùng với giao thông vận tải nói chung, vận tải hàng không là cơ sở hạ tầng trọng yếu của đất nước, là huyết mạch của mỗi quốc gia. Chính vì vậy, trong suốt những năm đổi mới đất nước, hàng không luôn được chú trọng phát triển, trở thành một trong những lĩnh vực đi đầu với nhiều thành tựu nổi bật.

a) Nước ta đã xây dựng Phú Quốc thành sân bay quốc tế ở trên đảo.

b) Chất lượng cuộc sống ngày càng nâng cao nên nhu cầu về vận tải hàng không trong nước có xu hướng tăng.

c) Vận tải hàng không có lợi thế hơn các loại hình khác là không phụ thuộc vào điều kiện địa hình, khí hậu nên hiệu quả cao.

d) Để nâng cao hiệu quả kinh tế, ngành hàng không cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đảm bảo an toàn hàng không, bảo vệ môi trường.

Câu 26: Cho thông tin sau:

Mạng lưới giao thông vận tải đường biển với các tuyến vận tải nội địa và quốc tế cùng hệ thống cảng biển ở nước ta không ngừng phát triển phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, tạo động lực phát triển các vùng, đóng góp không nhỏ vào sự tăng trưởng của nền kinh tế, khai thác lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, đặc biệt là tiềm năng về biển.

a) Nước ta có vị trí nằm gần các vành đai sinh khoáng nên thuận lợi cho giao thông đường biển phát triển.

b) Đây mạnh phát triển vận tải biển với mục đích chủ yếu là vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, phát triển kinh tế mở.

c) Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi nhất cả nước để phát triển giao thông đường biển do yếu tố vị trí, địa hình mang lại.

d) Vận tải biển có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất do khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn, quãng đường vận tải xa.

Câu 27: Cho thông tin sau:

Đường ống chủ yếu vận chuyển xăng dầu và khí, phục vụ hiệu quả cho ngành khai thác, chế biến và phân phối dầu khí tại Việt Nam. Đường ống nước ta có một số hệ thống chính: đường ống vận chuyển xăng dầu từ Bãi Cháy - Hạ Long tới các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng, đường ống dẫn khí Cà Mau - Phú Mỹ,...

a) Đường ống là ngành vận tải có lịch sử phát triển lâu đời ở nước ta.

b) Vai trò chủ yếu của đường ống là vận chuyển chất lỏng, chất khí, quan trọng nhất là dầu, khí.

c) Sự phân bố của vận tải đường ống chịu ảnh hưởng lớn của sự phân bố ngành dầu khí nước ta.

d) Phát triển vận tải đường ống có hiệu quả cao chủ yếu do không gây ô nhiễm, chi phí thấp, thi công và vận hành đơn giản.

Câu 28: Cho thông tin sau:

Mạng lưới bưu chính được xây dựng, phát triển và phân bố rộng rãi. Doanh thu dịch vụ bưu chính không ngừng tăng, năm 2021 đạt 26,8 nghìn tỉ đồng. Tính đến năm 2021, cả nước có hơn 13,0 nghìn điểm bưu điện, trong đó có hơn 8,1 nghìn điểm bưu điện văn hóa xã với trên 2,6 nghìn bưu cục giao dịch.

- a) Dịch vụ bưu chính ở nước ta bao gồm chuyển thư, bưu phẩm, tiền, ...
- b) Các điểm bưu chính gắn liền với các cơ quan hành chính các cấp của mỗi địa phương.
- c) Tốc độ phát triển bưu chính còn chậm do cơ sở vật chất hạ tầng hạn chế, thiếu lao động có trình độ.

d) Ngành bưu chính đáp ứng cho nhu cầu vận chuyển thông tin và hàng hóa ở các vùng núi tốt do tính phục vụ cao.

Câu 29: Cho thông tin sau:

Hệ thống cơ sở hạ tầng không ngừng được đầu tư nâng cấp. Nhờ ứng dụng khoa học - công nghệ nên các dịch vụ bưu chính ngày càng nhanh chóng, chính xác, hiệu quả.

- a) Ngành bưu chính có tính phục vụ cao nên đang được đầu tư phát triển.
- b) Sự phân bố mạng lưới bưu chính còn chưa đều chủ yếu do trình độ phát triển kinh tế các vùng khác nhau.
- c) Nhiều thành tựu khoa học mới được áp dụng như tự động hóa, tin học hóa...góp phần nâng cao hiệu quả bưu chính.
- d) Trình độ lao động được nâng lên rất cao đã đáp ứng nhu cầu phát triển nhiều loại hình dịch vụ bưu chính mới.**

Câu 30: Cho thông tin sau:

Ngành bưu chính nước ta vẫn đang tiếp tục phát triển theo hướng: đồng bộ, hiệu quả trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, như tự động hóa, thông minh hóa, tin học hóa,...mở rộng hệ sinh thái dịch vụ bưu chính, như phân phối, bán lẻ, thương mại điện tử; thanh toán và tài chính số; các dịch vụ bưu chính số hỗ trợ các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế như nông nghiệp, chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội, đào tạo,...mở rộng không gian hoạt động mới...

- a) Ngành bưu chính nước ta có tốc độ phát triển nhanh vượt bậc và dần hiện đại.
- b) Khó khăn với ngành bưu chính là mạng lưới phân bố không đều, thiếu lao động có trình độ cao.
- c) Để nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành bưu chính cần đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, nâng cao giá thành dịch vụ.

d) Để ngành bưu chính của nước ta sánh tầm các nước trong khu vực và trên thế giới, cần đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại, đa dạng hóa các hoạt động, đào tạo nguồn lao động.

Câu 31: Cho thông tin sau:

Mạng di động đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam vào năm 1993. Đến năm 1997, nước ta chính thức hòa mạng internet. Hiện nay, điện thoại di động và internet đã trở thành một phần không thể thiếu được trong cuộc sống của hàng chục triệu dân Việt Nam, nhất là đối với giới trẻ.

- a) Ngành viễn thông là một ngành trẻ nhưng có tốc độ phát triển nhanh vượt bậc ở nước ta.
- b) Mạng lưới viễn thông phát triển rộng, số lượng người dùng dịch vụ tăng lên nhanh chóng.
- c) **Yếu tố quan trọng hàng đầu thúc đẩy sự phát triển của ngành viễn thông nước ta là xuất phát điểm của nền kinh tế.**
- d) **Phát triển viễn thông mang lại ý nghĩa quan trọng trong quá trình hội nhập toàn cầu của nước ta.**

Câu 32: Cho thông tin sau:

Doanh thu viễn thông năm 2021 đạt 316,4 nghìn tỉ đồng, Các dịch vụ viễn thông ngày càng đa

dạng bao gồm: dịch vụ điện thoại, internet, dịch vụ mạng và các dịch vụ khai thác công nghệ, thời gian qua, ở nước ta, số thuê bao điện thoại khá ổn định, số thuê bao internet tăng nhanh, liên tục.

a) Ngành viễn thông của nước ta có dịch vụ đa dạng và phát triển mạnh đều ở khắp các vùng.

b) Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường, ngành viễn thông đã đón đầu nhiều kỹ thuật hiện đại.

c) Số lượng thuê bao điện thoại tăng nhanh chủ yếu do sự thay đổi cơ cấu dân số nên nhu cầu tăng.

d) Sự cạnh tranh của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tạo điều kiện cho người dùng dịch vụ có nhiều sự lựa chọn.

Câu 33: Cho thông tin sau:

Nhờ sự phát triển của công nghệ số và hạ tầng viễn thông, nước ta đang chuyển dịch thành hạ tầng số, đáp ứng xu hướng và yêu cầu phát triển chính phủ số, kinh tế số, chuyển đổi số quốc gia.

a) Ngành viễn thông của nước ta có đầy đủ các dịch vụ hiện đại của khu vực.

b) Hướng phát triển của ngành viễn thông hiện nay là chuyển đổi số, công nghệ cao và an ninh mạng.

c) Khó khăn của ngành viễn thông cần giải quyết nhằm nâng cao chất lượng phục vụ là nâng cao trình độ lao động.

d) Những thành tựu của ngành viễn thông mang lại ý nghĩa chủ yếu là nâng cao thu nhập cho người dân.

Câu 34: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Đường sắt	Đường bộ	Đường sông hồ	Đường biển	Đường hàng không
2015	1151895,7	6707,0	882628,4	201530,7	60800,2	229,6
2020	1627713,0	5216,3	1307877,1	244708,2	69639,0	272,4
2024	2575279,5	5095,2	2029956,8	410235,6	129548,1	443,8

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2024)

a) Khối lượng hàng hóa vận chuyển các loại hình vận tải của nước ta có sự thay đổi.

b) Khối lượng vận chuyển của đường bộ luôn cao nhất và tăng nhanh nhất trong các loại hình.

c) Tỷ trọng khối lượng vận chuyển hàng hóa của ngành vận tải đường biển tăng, đường bộ giảm.

d) Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển theo ngành vận tải của nước ta, giai đoạn 2015 - 2024.

Câu 35: Cho bảng số liệu:

Số lượt hành khách luân chuyển theo ngành vận tải ở nước ta, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: triệu lượt người.km)

Năm	2015	2020	2024
Đường sắt	4 149,6	1 509,2	2 855,2
Đường ô tô	105 382,2	112 740,5	159 257,4

Đường sông	3 064,5	2 725,9	6 003,1
Đường hàng không	42 068,4	34 124,9	88 218,32

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2024)

a) Số lượt khách luân chuyển bằng đường hàng không của nước ta luôn cao nhất trong giai đoạn 2015 - 2024.

b) Số lượt khách luân chuyển bằng đường sắt của nước ta giảm liên tục qua các năm trong giai đoạn 2015 - 2024.

c) Số lượt khách luân chuyển theo ngành vận tải của nước ta có biến động mạnh trong giai đoạn 2015 - 2024 do tác động của đại dịch Covid-19.

d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp để thể hiện cơ cấu số lượt khách luân chuyển phân theo ngành vận tải ở nước ta, giai đoạn 2015 - 2024.

Câu 36: Cho bảng số liệu:

Tình hình phát triển ngành bưu chính viễn thông nước ta, giai đoạn 2015 - 2024

Năm	Doanh thu (tỉ đồng)	Số thuê bao (nghìn thuê bao)	
		Di động	Cố định
2015	294 932,6	123 924,6	5 437,7
2019	388 554,05	126 150,5	3 658
2020	346 196,91	123 626,7	3 205,8
2021	341 933,35	122 661,1	3 122,5
2024	397 339,7	118 634,5	2 644,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2024)

a) Số thuê bao điện thoại và doanh thu của ngành bưu chính viễn thông nước ta tăng nhanh.

b) Năm 2024 so với năm 2015, doanh thu bưu chính viễn thông có tốc độ tăng nhanh hơn số thuê bao điện thoại.

c) Số thuê bao di động chiếm tỉ trọng lớn hơn thuê bao cố định nhưng không ổn định.

d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tình hình phát triển ngành bưu chính viễn thông nước ta, giai đoạn 2015 - 2024.

Câu 37: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển bằng đường bộ ở nước ta giai đoạn 2010 - 2024

Năm	2010	2015	2020	2024
Khối lượng vận chuyển (triệu tấn)	587,0	882,6	1 282,1	2 020,0
Khối lượng luân chuyển (tỉ tấn.km)	36,2	51,5	73,5	117,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2024)

a) Khối lượng vận chuyển tăng liên tục qua các năm.

b) Khối lượng luân chuyển giảm liên tục qua các năm.

c) Khối lượng vận chuyển có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn khối lượng luân chuyển.

d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển bằng đường bộ ở nước ta giai đoạn 2010 - 2024.

Câu 38: Cho bảng số liệu:

Số dân và số thuê bao điện thoại ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2024

Năm	2010	2015	2020	2024
-----	------	------	------	------

Số dân (triệu người)	87,0	92,2	97,6	101,3
Số thuê bao điện thoại (triệu thuê bao)	125,9	129,4	126,8	121,3

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2024)

- a) Số dân và số thuê bao điện thoại của nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2024.
- b) Số thuê bao điện thoại có tốc độ tăng nhanh hơn tổng số dân trong giai đoạn từ 2010 - 2024.
- c) Số thuê bao điện thoại bình quân đầu người của nước ta tăng lên liên tục và tăng nhanh.
- d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện số dân và số thuê bao điện thoại ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2024.

Câu 39: Cho thông tin sau:

Nước ta có nhiều lợi thế để phát triển giao thông vận tải đường biển. Trong thời gian gần đây, do kinh tế phát triển và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng nên giao thông vận tải đường biển được chú trọng đầu tư và phát triển nhanh chóng. Các cảng được xây dựng mới, nâng cấp theo hướng hiện đại về phương tiện vận tải và năng lực quản lí. Trên cả nước đã hình thành nhiều cảng biển quan trọng, ngoài các tuyến vận tải nội địa, còn hình thành nhiều tuyến vận tải quốc tế.

- a) Vận tải đường biển chủ yếu để vận chuyển hành khách quốc tế.
- b) Việt Nam đã thiết lập được các tuyến đường biển quốc tế đi đến tất cả các cảng biển trên thế giới.
- c) Bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, gần các tuyến đường biển quốc tế tạo thuận lợi cho nước ta phát triển giao thông vận tải biển.
- d) Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế, nhất là công nghiệp đã trang bị cơ sở vật chất và thúc đẩy giao thông vận tải đường biển ở nước ta phát triển.

Câu 40: Cho thông tin sau:

Nước ta có đầy đủ các loại hình giao thông vận tải gồm đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển, đường hàng không và đường ống. Sự phát triển mạng lưới giao thông là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế cả nước và các vùng lãnh thổ.

- a) Sự vận chuyển khí đốt từ các mỏ dầu khí ngoài khơi vào đất liền nước ta là sản phẩm của ngành vận tải đường ống.
- b) Toàn bộ cơ sở vật chất kĩ thuật cho ngành giao thông vận tải nước ta đều do ngành công nghiệp - xây dựng trong nước trang bị.
- c) Các loại hình quần cư là nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố mạng lưới giao thông vận tải ở nước ta hiện nay.
- d) Nước ta đang đẩy mạnh dịch vụ logistics giúp tối ưu hóa luồng vận chuyển, kết nối các phương thức vận tải và nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ vận tải.

Câu 41: Cho thông tin sau:

Viễn thông Việt Nam phát triển hiện đại, phủ rộng, đóng góp vào công nghiệp hóa. Mạng lưới đa dạng (điện thoại, phi thoại, truyền dẫn). Thuê bao di động, Internet tăng, 4G phủ rộng. Năm 2024 có 2 vệ tinh VINASAT phủ sóng. Internet nhanh, băng rộng di động mạnh. Ưu tiên chuyển đổi số, đầu tư công nghệ, an ninh mạng.

- a) Sự phát triển của mạng lưới viễn thông đóng vai trò quan trọng trong quá trình hiện đại hóa đất nước.

b) Sự phổ biến của điện thoại thông minh và mạng 4G đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các ứng dụng trực tuyến và dịch vụ số tại Việt Nam.

c) Mục tiêu chính của việc đầu tư vào công nghệ mới trong ngành viễn thông là để kiểm chế tốc độ số hóa.

d) Tốc độ phát triển internet ở nước ta diễn ra nhanh, mạng lưới cơ bản phủ kín các vùng.

Câu 42: Cho thông tin sau:

Mạng lưới đường ô tô có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, kết nối các trung tâm hành chính, kinh tế, cảng biển, sân bay, cửa khẩu, các đầu mối giao thông... và đã phủ kín khắp cả nước. Do lãnh thổ nước ta kéo dài theo vĩ độ và hẹp ngang nên đã hình thành hai tuyến trục chính là Bắc - Nam và Đông - Tây.

a) Các tuyến giao thông theo chiều Bắc - Nam và Đông - Tây có vai trò quan trọng trong việc kết nối vùng, liên vùng và quốc tế.

b) Đường ô tô đứng đầu cả nước về khối lượng vận chuyển hành khách do đây là loại hình giao thông vận tải có phạm vi vận chuyển rộng nhất.

c) Hệ thống đường cao tốc ở nước ta tăng khá nhanh và giữ vai trò quan trọng cả trong vận tải hành khách và hàng hóa.

d) Đường ô tô của nước ta được ưu tiên phát triển do mang lại ý nghĩa lớn về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng.

Câu 43: Cho thông tin sau:

Giao thông vận tải nước ta gồm nhiều loại hình khác nhau. Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là sự chuyên chở người và hàng hóa. Khối lượng hàng hóa vận chuyển đường ô tô cao nhất trong cơ cấu vận tải nước ta và có xu hướng tăng. Đường ô tô có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh, nhưng cũng làm ảnh hưởng đến môi trường.

a) Vận tải đường biển là loại hình giao thông có vai trò quan trọng nhất ở nước ta.

b) Vận tải đường sắt nước ta có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh.

c) Mạng lưới đường ô tô nước ta phát triển rộng khắp và kết nối với một số tuyến đường quốc tế.

d) Ngành giao thông vận tải thúc đẩy hoạt động sản xuất và là cầu nối giúp các ngành kinh tế nước ta phát triển.

Câu 44: Cho đoạn thông tin sau:

Khối lượng vận chuyển hàng hoá và hành khách của nước ta có xu hướng tăng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Các đầu mối giao thông lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh trở thành cửa ngõ quốc tế, tăng cường khả năng hội nhập của đất nước.

a) Ngành vận tải đường hàng không phát triển nhanh chủ yếu do nhu cầu cao của đời sống người dân, sự phát triển kinh tế và hội nhập.

b) Đà Nẵng là đầu mối giao thông quan trọng nhất cho các tỉnh phía nam.

c) Khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta thuộc ngành vận tải đường biển do chở được hàng hóa nặng, cồng kềnh trên các tuyến đường xa.

d) Giao thông vận tải phát triển là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Câu 45: Cho thông tin sau:

Trong ngành giao thông vận tải nước ta, đường bộ là loại hình giao thông quan trọng, phát triển mạnh ở nước ta. Trong những năm qua, ngành giao thông vận tải được ưu tiên đầu tư phát triển, dịch vụ vận tải ngày càng đa dạng, chất lượng ngày càng được nâng cao. Mạng lưới giao thông vận tải nước ta phát triển rộng khắp và kết nối với một số tuyến đường quốc tế.

a) Các loại hình giao thông vận tải ở nước ta khá đa dạng.

b) Các tuyến giao thông được mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa nhờ huy động các nguồn lực, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

c) Hệ thống đường sắt nước ta đã kết nối với một số tuyến đường quốc tế qua cửa khẩu với Cam-pu-chia.

d) Ngành vận tải đường bộ có số lượt hành khách vận chuyển và khối lượng hàng hóa vận chuyển cao nhất trong cơ cấu vận tải nước ta hiện nay.

Câu 46: Cho thông tin sau:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và tăng trưởng kinh tế, ngành giao thông vận tải đường biển ở Việt Nam đang trở thành một phần quan trọng của vận tải hàng hóa trong logistics quốc tế. Việt Nam sở hữu đường bờ biển dài 3260km và vùng biển rộng hơn 1 triệu km², vị trí chiến lược giữa các tuyến đường thương mại quan trọng. Việt Nam đã phát triển một mạng lưới vận tải đường biển đa dạng.

a) Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển.

b) Giao thông vận tải biển là ngành non trẻ và có ở nhiều vùng kinh tế của Việt Nam.

c) Vận tải đường biển nước ta phát triển mạnh nhất ở ven biển Đồng bằng sông Hồng

d) Nguyên nhân chủ yếu khiến vận tải đường biển nước ta phát triển nhanh là do nhu cầu vận chuyển hàng hóa quốc tế, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh.

Câu 47: Cho thông tin sau:

Nước ta có nhiều loại hình giao thông vận tải như đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không. Các loại hình giao thông vận tải phát triển theo hướng hiện đại, ngày càng đáp ứng tốt hơn những yêu cầu của nền kinh tế đất nước trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

a) Ngành vận tải hàng không phát triển rất nhanh, số lượt khách vận chuyển chỉ đứng sau ngành vận tải đường thủy nội địa.

b) Mạng lưới đường thủy nội địa phát triển chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Do trở ngại về khoảng cách địa lí, nước ta chỉ mới hình thành tuyến đường biển quốc tế kết nối với các khu vực trong phạm vi châu Á.

d) Các tuyến đường cao tốc được xây dựng ngày càng nhiều với chất lượng tốt, giúp rút ngắn thời gian di chuyển giữa các vùng nước ta.

Câu 48: Cho thông tin sau:

Ngành bưu chính ở nước ta đang phát triển theo hướng đồng bộ, hiệu quả trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, mở rộng hệ sinh thái dịch vụ bưu chính, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế, phục vụ các ngành kinh tế và đời sống nhân dân.

a) Hệ sinh thái dịch vụ bưu chính gồm: chuyển phát, tài chính bưu chính, phân phối bán lẻ, logistics, dịch vụ số, dịch vụ đào tạo, sàn thương mại điện tử.

b) Nhiệm vụ chính của ngành bưu chính là phát triển kinh tế số, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động.

c) Mạng lưới bưu chính phát triển rộng khắp cả nước, có mật độ cao và phát triển nhanh ở các đô thị lớn.

d) Một số dịch vụ viễn thông như dịch vụ thoại, truyền số liệu, hội nghị truyền hình, kết nối internet ngày càng phát triển.

Câu 49: Cho thông tin sau:

Các dịch vụ viễn thông nước ta đang phát triển theo hướng chuyển đổi số và liên quan chặt chẽ đến các hoạt động dịch vụ khác. Mạng lưới viễn thông được mở rộng và phát triển nhanh. Các dịch vụ viễn thông bao gồm: dịch vụ điện thoại, internet, dịch vụ mạng và các dịch vụ khai thác công nghệ. Số thuê bao điện thoại khá ổn định và số thuê bao internet tăng nhanh. Nước ta là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển và ứng dụng internet nhanh trên thế giới.

a) Viễn thông chỉ mở rộng và phát triển ở các đồng bằng châu thổ.

b) Nước ta có tốc độ phát triển và ứng dụng internet chậm.

c) Các dịch vụ viễn thông nước ta đa dạng gắn với chuyển đổi số.

d) Viễn thông nước ta phát triển nhanh chủ yếu do chú trọng đầu tư, nhu cầu tăng cao và ứng dụng khoa học - công nghệ.

III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Một xe ô tô vận chuyển 5 tấn hàng hoá từ Lào Cai đến Hà Nội với quãng đường 296 km. Tính khối lượng luân chuyển của xe ô tô trên. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tấn.km)

Trả lời

Đáp án: $5 \times 296 = 1480$

Câu 2: Năm 2020 và năm 2023, doanh thu từ dịch vụ bưu chính và viễn thông của nước ta lần lượt là 346 196,9 tỷ đồng và 376 418,7 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ dịch vụ bưu chính và viễn thông năm 2023 là bao nhiêu %? (coi năm 2010 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

Đáp án: $376\ 418,7 : 346\ 196,9 \times 100 \approx 109$

Câu 3: Năm 2023, doanh thu bưu chính, chuyển phát của nước ta đạt 34,7 nghìn tỉ đồng, doanh thu viễn thông đạt 341,7 nghìn tỉ đồng. Cho biết tổng doanh thu bưu chính, chuyển phát và viễn thông của nước ta năm 2023 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

Đáp án: $34,7 + 341,7 \approx 376$

Câu 4: Năm 2023, số thuê bao điện thoại của nước ta là 126420,8 nghìn thuê bao, với tổng số dân là 100309,2 nghìn người. Hãy cho biết trung bình số thuê bao điện thoại trên 100 dân ở nước ta là bao nhiêu thuê bao? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

Đáp án: $126420,8 : 100309,2 = 1,260311118/1\ \text{dân} \approx 126$

Câu 5: Năm 2023, ngành vận tải đường biển nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hóa là 113,4 triệu tấn, khối lượng luân chuyển hàng hóa là 107 915,1 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

Đáp án: 107 915,1 : 113,4 ≈ 952

Câu 6: Năm 2023, khối lượng luân chuyển hàng hóa của đường thủy nội địa nước ta là 200 tỷ tấn.km và cự ly vận chuyển trung bình đạt 2000 km. Tính khối lượng vận chuyển hàng hóa của ngành đường thủy nội địa (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu tấn)

Trả lời

Đáp án: 200 000 : 2000 = 100

Câu 7: Cho bảng số liệu:

**Khối lượng hàng hóa luân chuyển đường thủy nội địa
và đường biển của nước ta, giai đoạn 2021 - 2023**

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	Đường thủy nội địa	Đường biển
2021	24768,6	70130,3
2023	36937,4	107915,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng của khối lượng hàng hóa luân chuyển đường biển lớn hơn tốc độ tăng trưởng của đường thủy nội địa năm 2023 so với năm 2021 (năm 2021 = 100%) là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Trả lời

- Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường biển: $107915,1 : 70130,3 \times 100 = 153,8779957\%$

- Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường thủy nội địa: $36937,4 : 24768,6 \times 100 = 149,1299468\%$

Đáp án: 153,8779957 - 149,1299468 ≈ 4,7

Câu 8: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa luân chuyển đường bộ và đường biển của nước ta, giai đoạn 2021 - 2023

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	Đường bộ	Đường biển
2021	75272,9	70130,3
2023	107008,4	107915,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng năm 2023 so với năm 2021 của khối lượng hàng hóa luân chuyển đường biển lớn hơn tốc độ tăng trưởng của đường bộ (năm 2021 = 100%) là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Trả lời

- Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa luân chuyển đường biển là: $107915,1 : 70130,3 \times 100 = 153,8779957\%$

- Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa luân chuyển đường bộ là: $107008,4 : 75272,9 \times 100 = 142,1605917\%$

Đáp án: 153,8779957 - 142,1605917 ≈ 11,7

Câu 9: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa luân chuyển đường bộ và đường thủy nội địa của nước ta,

giai đoạn 2021 - 2023

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	Đường bộ	Đường thủy nội địa
2021	75272,9	24768,6
2023	107008,4	36937,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng năm 2023 so với năm 2021 của khối lượng hàng hóa luân chuyển đường thủy nội địa nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của đường bộ (năm 2021 = 100%) là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân)

Trả lời

- Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa luân chuyển đường thủy nội địa là: $36937,4 : 24768,6 \times 100 = 149,1299468\%$

- Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa luân chuyển đường bộ là: $107008,4 : 75272,9 \times 100 = 142,1605917\%$

Đáp án: 149,1299468 - 142,1605917 \approx 6,97

Câu 10: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hoá vận chuyển của cả nước và ngành vận tải đường bộ năm 2010 và năm 2023

(Đơn vị: nghìn tấn)

Tiêu chí	Năm	2010	2023
Tổng số		800 886,0	2 351 241,7
Trong đó: Đường bộ		587 014,2	1 842 204,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng khối lượng hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ năm 2023 hơn tỉ trọng khối lượng hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ năm 2010 bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Trả lời

- Tỉ trọng năm 2010 là: $587 014,2 : 800 886,0 \times 100 = 73,29560012\%$

- Tỉ trọng năm 2023 là: $1 842 204,1 : 2 351 241,7 \times 100 = 78,35026488\%$

Đáp án: 78,35026488 - 73,29560012 \approx 5,1

Câu 11: Năm 2023, khối lượng hàng hóa vận chuyển của nước ta là 2351,2 triệu tấn, trong đó ngành đường sông là 390,7 triệu tấn. Hãy cho biết tỉ trọng khối lượng hàng hoá vận chuyển ngành đường sông của nước ta trong tổng khối lượng hàng hoá vận chuyển là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Trả lời

Đáp án: 390,7 : 2351,2 x 100 \approx 16,6

Câu 12: Cho bảng số liệu:

Khối lượng vận chuyển hàng hóa và cự li vận chuyển trung bình của một số ngành vận tải nước ta năm 2023

Tiêu chí	Đường sắt	Đường hàng không
Khối lượng vận chuyển (nghìn tấn)	4639	329
Cự li vận chuyển trung bình (km)	801	25347

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết khối lượng luân chuyển hàng hoá của đường hàng không và đường sắt nước ta năm 2023 chênh lệch bao nhiêu triệu tấn.km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

- Khối lượng luân chuyển hàng hóa của đường sắt là: $4639 \times 801 = 3715839$ nghìn tấn.km
- Khối lượng luân chuyển của đường hàng không là: $329 \times 25347 = 8339163$ nghìn tấn.km
- **Đáp án: $8339163 - 3715839 = 4623324$ nghìn tấn.km ≈ 4623 triệu tấn.km**

Câu 13: Cho biết khối lượng vận chuyển hàng hóa của Trung du và miền núi phía Bắc năm 2019 và 2023 lần lượt là 162995,9 nghìn tấn và 226540,1 nghìn tấn. Hãy cho biết tốc độ tăng trưởng khối lượng vận chuyển hàng hóa của vùng Trung du và miền núi phía Bắc năm 2023 so với năm 2019 là bao nhiêu %? (coi năm 2019 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

Đáp án: $226540,1 : 162995,9 \times 100 \approx 139$

Câu 14: Cho bảng số liệu:

Tình hình vận tải hàng hóa bằng đường biển và đường sắt của nước ta năm 2023

Tiêu chí	Đường biển	Đường sắt
Khối lượng vận chuyển (triệu tấn)	113,41	4,64
Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)	107 915,08	3 717,99

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình năm 2023 của vận tải đường biển cao hơn đường sắt là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

- Cự li vận chuyển trung bình của đường biển là: $107\ 915,08 : 113,41 = 951,548188$ km
- Cự li vận chuyển trung bình của đường sắt là: $3\ 717,99 : 4,64 = 801,2909483$ km

Đáp án: $951,548188 - 801,2909483 \approx 150$

Câu 15: Cho bảng số liệu:

Tình hình vận tải hàng hóa bằng đường sông và đường sắt của nước ta năm 2023

Tiêu chí	Đường sông	Đường sắt
Khối lượng vận chuyển (triệu tấn)	390,65	4,64
Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)	36 937,38	3 717,99

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình năm 2023 của vận tải đường sắt cao hơn đường sông là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

- Cự li vận chuyển trung bình của đường sông là: $36\ 937,38 : 390,65 = 94,55364137$ km
- Cự li vận chuyển trung bình của đường sắt là: $3\ 717,99 : 4,64 = 801,2909483$ km

Đáp án: $801,2909483 - 94,55364137 \approx 707$

Câu 16: Năm 2020 và năm 2023, doanh thu từ dịch vụ bưu chính và viễn thông của nước ta lần lượt là 346 196,9 tỷ đồng và 376 418,7 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ dịch vụ bưu chính và viễn thông năm 2023 so với năm 2020 là bao nhiêu %? (coi năm 2010 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

Đáp án: 376 418,7 : 346 196,9 x 100 ≈ 109

Câu 17: Cho bảng số liệu:

Số dân và số thuê bao điện thoại ở nước ta, giai đoạn 2015 - 2023

Năm	2015	2018	2020	2023
Số dân (triệu người)	92,2	95,4	97,6	100,3
Số thuê bao điện thoại (triệu thuê bao)	129,4	134,7	126,9	126,4

(Nguồn: www.gso.gov.vn - Tổng cục Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết trong giai đoạn 2015 - 2023, nước ta có bình quân số thuê bao điện thoại trên 100 dân cao nhất vào năm nào?

Trả lời

- Bình quân số thuê bao điện thoại trên 100 dân năm 2015 là: $129,4 : 92,2 = 1,403470716/\text{người} = 140,3470716/100$ người

- Bình quân số thuê bao điện thoại trên 100 dân năm 2018 là: $134,7 : 95,4 = 1,411949686/\text{người} = 141,1949686/100$ người

- Bình quân số thuê bao điện thoại trên 100 dân năm 2020 là: $126,9 : 97,6 = 1,300204918/\text{người} = 130,0204918/100$ người

- Bình quân số thuê bao điện thoại trên 100 dân năm 2023 là: $126,4 : 100,3 = 1,260219342/\text{người} = 126,0219342/100$ người

Đáp án: 2018

Câu 18: Năm 2023, ngành vận tải đường sắt nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hóa là 4,6 triệu tấn, khối lượng luân chuyển hàng hóa là 3 717,0 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

Đáp án: 3717,0 : 4,6 ≈ 808

Câu 19: Năm 2023, ngành vận tải đường sông nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hóa là 390,6 triệu tấn, khối lượng luân chuyển hàng hóa là 36 937,4 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Trả lời

Đáp án: 36937,4 : 390,6 ≈ 94,6

